

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**ĐỘ TUỔI 25 - 36 THÁNG**

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh
TT	Mục tiêu			
<b>1. Lĩnh vực phát triển thể chất</b>				
<b>* Phát triển vận động</b>				
1	- Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/bụng và chân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra: thổi bóng, gà trống gáy, thổi nơ, còi tàu...</li> <li>- Tay: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hai tay giơ cao (lắc bàn tay), hạ xuống</li> <li>+ Hai tay sang ngang (lắc bàn tay), hạ xuống</li> <li>+ Hai 2 tay ra phía trước kết hợp lắc bàn tay,</li> <li>+ Hai 2 tay ra sau kết hợp với lắc bàn tay</li> <li>+ 1 tay đưa về phía trước, 1 tay đưa về phía sau</li> </ul> </li> <li>- Lưng, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cúi về phía trước</li> <li>+ Nghiêng người sang hai bên phải, trái</li> <li>+ Vặn người sang 2 bên phải, trái</li> <li>+ Cúi người xuống, đứng thẳng người lên</li> <li>+ Ngửa người ra phía sau</li> </ul> </li> <li>- Chân: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngồi xuống, đứng lên</li> <li>+ Co duỗi từng chân</li> <li>+ Đứng nhún chân</li> <li>+ Bật tại chỗ</li> </ul> </li> </ul>	1 -> 9	
2	- Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>* Đi, chạy</b></li> <li>- Đi theo hiệu lệnh (1)</li> <li>- Đi trong đường hẹp (2)</li> <li>- Đi bước qua vật cản (3)</li> <li>- Đi bước vào các ô<sup>(4)</sup></li> <li>- Đi có mang vật (đồ chơi) trên tay(5)</li> <li>- Đi theo đường ngoằn ngoèo(6)</li> <li>- Đứng co 1 chân (7)</li> <li>- Chạy theo hướng thẳng (8)</li> <li>- Chạy đổi hướng (9)</li> </ul>	1- 9	
3	- Trẻ thực hiện phối hợp	<b>* Tung, bắt</b>		

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh
TT	Mục tiêu			
	vận động tay- mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1 - 1,2m.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tung bắt bóng cùng cô (3)</li> <li>- Tung bóng bằng hai tay (1)</li> <li>- Tung bóng qua dây (5)</li> <li>- Lăn bắt bóng với cô (2)</li> <li>* <b>Ném</b></li> <li>- Ném bóng về phía trước (6)</li> <li>- Ném bóng vào đích (8)</li> </ul>	1,2,3,5,6,8	
4	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>*<b>Bò, trườn</b></li> <li>- Bò thẳng hướng(1)</li> <li>- Bò thẳng hướng và có vật trên lưng(6)</li> <li>- Bò chui qua cổng (3,9)</li> <li>- Bò qua vật cản (2)</li> <li>-Trườn qua vật cản (4)</li> <li>- Bò thẳng hướng theo đường hẹp <sup>(7)</sup></li> <li>- Bò theo đường ngoằn ngoèo (8)</li> <li>- Bò chui dưới dây (5)</li> </ul>	1-9	
5	- Trẻ thể hiện được sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m )	<ul style="list-style-type: none"> <li>* <b>Ném</b></li> <li>- Ném xa 1 tay (4)</li> <li>- Ném bóng qua dây(7)</li> <li>* <b>Nhún bật</b></li> <li>- Bật tại chỗ(1)</li> <li>- Bật qua vạch kẻ <sup>(3,5)</sup></li> <li>- Bật xa bằng 2 chân(4,8)</li> <li>-Nhún bật về phía trước (2)</li> <li>- Bật qua các vòng (7,9)</li> <li>- Đá bóng về phía trước <sup>(6)</sup></li> </ul>	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
6	- Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện " múa khéo"	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau</li> <li>- Rót, nhào, khuấy, đảo, vò, xé( vò giấy, xé giấy, xé lá..)</li> </ul>		
7	- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhón nhặt đồ vật</li> <li>- Đóng cọc bàn gỗ</li> <li>- Tập xâu luôn dây (xâu vòng đeo tay, đeo cổ)</li> <li>- Tập cài, cởi cúc (cài cúc áo, cởi cúc áo, kéo khóa)</li> <li>- Tập buộc dây (buộc dây giày, dây áo, dây gói bánh).</li> <li>- Tập cầm bút tô vẽ: Vẽ tổ chim, vẽ cuộn</li> </ul>	1 -> 9	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh
TT	Mục tiêu			
		len... - Chắp ghép hình - Chồng, xếp 6 - 8 khối. - Lật mở trang sách.		
<b>* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.</b>				
8	- Trẻ thích nghi với chế độ với chế độ ăn cơm, các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau của địa phương: cá, thịt lợn, rau, canh... - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống: Không khóc nhè, không nói chuyện, không làm cơm rơi vãi.	1, 2, 5	
9	- Trẻ ngủ 1 giấc ngủ trưa	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa 140 - 150 phút. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ngủ	1,2	
10	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu vệ sinh	1,2	
11	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)	- Tập tự phục vụ : + Xúc cơm, uống nước. + Đi dép, đi vệ sinh + Chuẩn bị chỗ ngủ: Lấy gối. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. + Lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.	2,3,4	
12	- Trẻ biết chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh	- Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt; - Đội mũ khi ra nắng: <i>Biết nắng làm mình bị ốm</i> - Nhận ra sự thay đổi của thời tiết: <i>Nóng, lạnh, mưa, gió, bão, mặc trang phục phù hợp với thời tiết để bảo vệ sức khỏe,</i> mặc quần áo ấm khi trời lạnh	3,4,9	
13	- Trẻ biết tránh một số	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm:	1,3,8,9	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh
TT	Mục tiêu			
	vật dụng nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	dao, kéo, vật sắc nhọn, bình nước nóng... - Nhận biết những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần ở trường lớp mầm non: (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng...) - Biết cần phải tránh xa khu vực nguy hiểm: Cây to, cột điện, dốc đất đá, khu vực nước sâu, suối, sông, dòng nước chảy xiết		
14	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn ..) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh (leo trèo lên lan can, đu bám giá đồ chơi, xô đẩy bạn, chơi nghịch các vật sắc nhọn, sờ tay vào ổ điện, chọc phá các con vật, không lại gần các con thú dữ, ăn quả không rõ nguồn gốc, chơi ở lòng đường xe chạy, đùa nghịch trên xe, không chơi gần ao, hồ, sông, suối. ...)	1,3,6, 7,8,9	
<b>2. Lĩnh vực phát triển nhận thức</b>				
<b>* Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan</b>				
15	- Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... để nhận biết đặc điểm nổi bật: Tên gọi, màu sắc, hình dạng, mùi vị ... của đồ vật, hoa, quả quen thuộc, gần gũi có tại quê hương, địa phương - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu - Ném vị của một số thức ăn: canh, món xào, món luộc ( mận, chua)..., quả (ngọt, chua) - Ngửi một số loại hoa quen thuộc	2->9	
<b>* Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi</b>				
16	- Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân + Bạn trai: Bóng, ô tô...	1,3,4	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh
TT	Mục tiêu			
		+ Bạn gái: Búp bê, nấu ăn.. - Đồ dùng, đồ chơi của nhóm lớp		
17	- Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân: Bạn trai, bạn gái. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình: Tên công việc của bố mẹ, của anh chị em. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp.	1->3	
18	- Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân	2	
19	- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật quen thuộc. - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số loại rau quen thuộc - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của 1 số loại hoa quen thuộc - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của 1 số loại quả quen thuộc - Tên đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi: Xe máy, xe đạp, ô tô.... - Tên, đặc điểm nổi bật về 1 số đồ chơi dân gian trong ngày tết cổ truyền - Tên, đặc điểm nổi bật về 1 số loại bánh trong ngày tết cổ truyền - Tên, đặc điểm nổi bật về 1 số đồ chơi trung thu (trải nghiệm vui tết trung thu bánh dẻo, bánh nướng) - Tên, đặc điểm nổi bật của một số đồ vật quen thuộc: Đồ dùng, đồ chơi của bé, đồ dùng gia đình. - Trang phục mùa hè.	1,3->9	
20	- Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu	- Nhận biết màu đỏ, xanh, vàng	2,4,8	
21	- Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu	+ Kích thước to - nhỏ. - Hình tròn, hình vuông - Vị trí trong không gian ( trên- dưới - trước - sau) so với bản thân trẻ	4->7,9	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh
TT	Mục tiêu			
		- Số lượng( một - nhiều), đếm vẹt		
<b>3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ</b>				
<b>* Nghe hiểu lời nói</b>				
22	- Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động. Ví dụ: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay!”	- Nghe và thực hiện yêu cầu bằng lời nói - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc	1->7,9	
23	- Trẻ trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”; “...làm gì?”; “...thế nào?” (Ví dụ: “Con gà gáy thế nào?”...)	- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?” - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì? Làm gì? ở đâu? Thế nào? Để làm gì? Tại sao?	3->9	
24	- Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có sự gợi ý từ cô giáo - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh	1,3->9	
<b>*Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu</b>				
25	- Trẻ phát âm rõ tiếng.	- Trẻ phát âm các âm khác nhau	1-> 9	
26	- Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng - Nghe các bài thơ, đồng dao ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn		
<b>*Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp</b>				
27	- Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1 - 2 câu đơn giản và câu dài	6, 9	
28	- Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Chào hỏi, trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”; “cái gì đây?”....	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. + Chào hỏi, trò chuyện với cô, với bạn, với người thân. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con	1->9	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh
TT	Mục tiêu			
		gì đây?"; "cái gì đây?"....		
29	- Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn	8	
<b>4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ</b>				
<b>*Biểu lộ sự nhận thức về bản thân</b>				
30	- Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi)	- Tên, tuổi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân (bạn trai: Tóc ngắn, mặc quần áo; bạn gái: Tóc dài buộc nơ, mặc váy).	2	
31	- Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình ( sở thích của bản thân) và điều mình không thích.	4	
<b>* Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi</b>				
32	- Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói	- Giao tiếp với những người xung quanh bạn bè, cô giáo, gia đình..	3,5	
33	- Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận	2,4,5,7	
34	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui buồn, sợ hãi qua nét mặt cử chỉ			
35	- Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi; bắt chước tiếng kêu, gọi	- Quan tâm đến các vật nuôi: Gọi tên, bắt chước tiếng kêu của một số con vật gần gũi - Bảo vệ môi trường, không vứt rác bừa bãi, túi ni long xuống sông, suối...	7	
<b>* Thể hiện hành vi xã hội đơn giản</b>				
36	- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ "ạ", "vâng ạ".	1,3,5	
37	- Trẻ thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. Thể hiện một số hành vi qua việc chơi thao tác vai (bế em, cho em ăn, nấu cho em ăn, nghe điện thoại...)	1->9	
38	- Trẻ chơi thân thiện cạnh	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn,		

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh
TT	Mục tiêu			
	trẻ khác	không tranh giành đồ chơi với bạn, không cào cấu bạn	1,7,8,9	
39	- Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của cô giáo như: ngồi vào ghế, đi vệ sinh, đi dép... - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định, ăn xong cất bát vào rổ, vứt rác vào thùng rác, cất gối vào tủ...	1-> 9	
40	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau - Nghe, nhận biết âm thanh của các nhạc cụ: Xắc xô, phách tre, trống, khèn, sáo... - Nghe làn điệu dân ca của địa phương, những bài hát ru... - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.	1-> 9	
41	- Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc), xâu vòng	-Vẽ các đường nét khác nhau, cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc (vẽ tổ chim, vẽ cuộn len) - Nặn xoay tròn, lăn dọc - Xé giấy vụn, vò giấy - Xếp hình từ các khối gỗ, các vật liệu trong thiên nhiên. - Xem tranh	1-> 9	



## DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian	TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ hội	Điều chỉnh
Từ 09/9-04/10/2024	1	Bé vui đến trường - Tết Trung thu	Bé và các bạn	1 tuần(Từ 09-13/9/2024)	Ngày khai giảng (thứ 5 ngày 5/9), tết TT (thứ 3 ngày 17/9)	Tổ chức toàn trường
			Tết Trung thu	1 tuần(Từ 16-20/9/2024)		
			Tên cô giáo và các hoạt động ở lớp	1 tuần(Từ 23-27/9/2024)		
			Lớp học của bé	1 tuần(Từ 30/9- 4/10/2024)		
Từ ngày 07/10 – 01/11/2024	2	Bé là ai	Bé là ai	1 tuần(Từ 7-11/10/2024)		
			Cơ thể kì diệu của bé	2 tuần(Từ 14-25/10/2024)		
			Bé cần gì để lớn	1 tuần(Từ 28/10-1/11/2024)		
Từ ngày 04/11 – 29/11/2024	3	Gia đình – Ngày hội của cô giáo	Mẹ và những người thân yêu	1 tuần(Từ 4-8/11/2024)	Thứ 4 ngày 20/11	Tổ chức toàn trường
			Đồ dùng trong GD bé	1 tuần(Từ 11-15/11/2024)		
			Ngày hội của cô giáo	1 tuần(Từ 18-22/11/2024)		
			Đồ dùng trong GD bé	1 tuần(Từ 25-29/11/2024)		
Từ ngày 02/12 – 27/12/2024	4	Đồ dùng, đồ chơi của bé	Đồ chơi yêu thích của bé	2 tuần(Từ 2/12-13/12/2024)		
			Đồ dùng của bé	2 tuần(Từ 16-27/12/2024)		
Từ ngày 30/12 – 24/01/2025	5	Ngày tết vui vẻ	Ngày tết vui vẻ	2 tuần(Từ 30/12-10/1/2025)	Tết dương lịch (thứ 4), tết nguyên đán	
			<b>Ôn và trải nghiệm</b>	<b>1 tuần(Từ 13-17/1/2025)</b>		
			Bé vui đón tết	1 tuần(Từ 20-24/1/2025)		

			<b>Nghỉ tết nguyên đán</b>	1 tuần(Từ 27-31/1/2025)	Nghỉ tết nguyên đán	
Từ ngày 03/2 – 28/2/2025	6	Cây và những bông hoa đẹp	Một số loại cây	1 tuần(Từ 3-7/2/2025)		
			Một số loại hoa	1 tuần(Từ 10-14/2/2025)		
			Một số loại quả	1 tuần(Từ 17-21/3/2025)		
			Một số loại rau	1 tuần(Từ 24-28/2/2025)		
Từ ngày 3/3 – 28/3/2025	7	Những con vật bé yêu	Con vật nuôi trong gia đình	2 tuần(Từ 3/3-14/3/2025)		
			Con vật sống dưới nước	1 tuần(Từ 17-21/3/2025)		
			Con vật sống trong rừng	1 tuần(Từ 24-28/3/2025)		
Từ ngày 31/3 – 25/4/2025	8	Bé đi khắp nơi bằng PTGT gì	PTGT đường bộ	2 tuần(Từ 31/3-11/4/2025)	Gỗ tổ Hùng Vương (thứ 2 ngày 7/4)	
			PTGT đường thủy	1 tuần(Từ 14-18/4/2025)		
			PTGT đường hàng không	1 tuần(Từ 21-25/4/2025)		
Từ ngày 28/4 – 23/5/2025	9	Mùa hè - Bé lên mẫu giáo	Mùa hè đến	2 tuần(Từ 28,29/4 - 09/5/2025)	Ngày 30/4; 1/5 (thứ 4, 5)	
			Bé lên mẫu giáo	2 tuần(Từ 12/5-23/5/2025)		
<b>Tổng cộng</b>				<b>35 tuần</b>		

**BAN GIÁM HIỆU**  
(Ký duyệt)

Ngày 23 tháng 08 năm 2024  
**NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

Lò Thị Thanh

**Vũ Thị Sơn Ca**

